
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
QUÝ III - NĂM 2022

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý III - 2022	Quý III - 2021	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5	6	7
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		232.117.856.551	181.293.685.226	1.092.597.248.953	1.066.959.471.998
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(223.144.881.258)	(177.827.002.243)	(1.092.458.532.485)	(992.628.796.321)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.204.742.644)	(3.215.560.476)	(19.623.726.806)	(15.304.906.645)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(400.141.781)	(169.013.699)	(1.271.165.000)	(1.325.473.746)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(812.391.219)	(3.728.454.595)	(2.106.791.661)	(5.287.721.705)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		22.192.833.623	40.001.006.527	109.698.425.378	127.495.666.375
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.380.323.755)	(17.955.996.827)	(81.963.500.393)	(98.613.318.690)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.368.209.517	18.398.663.913	4.871.957.986	81.294.921.266
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		3.069.834.132	0	(893.273.066)	(4.964.409.074)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		0	0	0	90.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.000.000.000)	(14.900.000.000)	(103.406.654.205)	(87.900.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23.008.289.041	0	95.656.130.137	68.645.956.142
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6.648.254.398	3.400.170	18.612.136.678	10.429.092.887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.726.377.571	(14.896.599.830)	9.968.339.544	(13.698.450.954)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0	0	0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0	0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		84.500.000.000	12.000.000.000	468.388.400.000	199.292.798.485
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(95.000.000.000)	(16.500.000.000)	(474.588.400.000)	(254.296.767.981)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(195.796.260)	(2.424.030.450)	(6.807.046.260)	(14.494.030.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(10.695.796.260)	(6.924.030.450)	(13.007.046.260)	(69.497.999.946)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(601.209.172)	(3.421.966.367)	1.833.251.270	(1.901.529.634)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		11.801.255.358	9.424.343.674	9.366.794.916	7.903.906.941
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0	0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		11.200.046.186	6.002.377.307	11.200.046.186	6.002.377.307

Người lập biểu

TRƯƠNG HOÀNG MINH THƯ

Kế toán trưởng

PHAN THỊ HỒNG PHÚC

Ngày 28 tháng 10 năm 2022
TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

KIEU CÔNG TÂM